

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2020/HS-ST

Ngày: 10-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Mỹ.

2. Bà Dương Thị Thanh Thúy.

-Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ràng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 106/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn Ph, sinh ngày 25/7/2002 tại TP Hồ Chí Minh; Nơi ĐKTT: Khu phố A, phường AH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con bà Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1978 và không rõ họ tên cha; Vợ: sống chung như vợ chồng với Huỳnh Thanh Tr, sinh năm 2001; Con: không; Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt truy nã và tạm giữ ngày 13/9/2020, đến ngày 16/9/2020 chuyển tạm giam cho đến nay. Có mặt.

*** Đại diện hợp pháp cho bị cáo:**

Bà Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1978. Có mặt.

Nơi cư trú: đường số B, Khu dân cư Metro, ấp C, xã TK, huyện BC, TP Hồ Chí Minh.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** ông Đào Công H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre. Có mặt

*** Bị hại:**

Ông Huỳnh Công Ph, sinh năm 1962. Có mặt

Nơi cư trú: Khu phố A, phường AH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1978. Có mặt.

Nơi cư trú: đường số B, Khu dân cư Metro, ấp C, xã TK, huyện BC, TP Hồ Chí Minh.

** Người làm chứng:*

Bà Huỳnh Thanh Tr, sinh năm 2001. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Khu phố D, phường TTA, quận BT, TP Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 04/9/2019, bị cáo Nguyễn Tuấn Ph cùng bạn gái tên Huỳnh Thanh Tr đến nhà ông Huỳnh Công Ph ở khu phố A, phường AH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre chơi và ở lại đây. Khoảng 22 giờ ngày 06/9/2019, thấy ông Ph ngủ nên bị cáo nảy sinh ý lấy trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu đỏ-đen, biển kiểm soát 71B3-192.69 đang để tại phòng khách nhà ông Ph. Bị cáo nói với Trúc ý định lấy trộm xe của ông Ph, Tr không đồng ý nên bị cáo kêu Tr đi bộ ra đầu hẻm chờ. Dù không đồng ý lấy trộm xe của ông Ph cùng bị cáo nhưng Tr cũng không báo cho ông Ph biết ý định của bị cáo và bỏ ra khỏi nhà của ông Ph. Sau khi Tr đi, bị cáo dùng kéo cắt dây điện và lấy xe mô tô của ông Ph dẫn ra ngoài, nổ máy chạy ra đầu hẻm và chờ Tr chạy về thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến Ngã tư An Lạc, thuộc quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo đưa Tr vào quán uống nước. Bị cáo chạy xe đến tiệm game bắn cá gần đó, mở cốp xe kiểm tra thì thấy một ví da màu nâu, bên trong có: 03 tờ đô la Mỹ, mỗi tờ mệnh giá 100 đô la; tiền Việt Nam 2.400.000 đồng và một số giấy tờ cá nhân của ông Ph. Bị cáo lấy 2.400.000 đồng, giấy chứng minh nhân dân, bảo hiểm y tế và giấy phép lái xe của ông Ph ra cất giữ, riêng cái ví da và 03 tờ đô la Mỹ bị cáo vứt bỏ, bị cáo bán xe mô tô biển kiểm soát 71B3-192.69 cho người tên B được 8.000.000 đồng. Bản thân bị cáo tiên xài cá nhân và sử dụng ma túy hết số tiền 10.400.000 đồng mà không chia cho Tr. Sau đó hành vi của bị cáo bị phát hiện, bị cáo bỏ trốn đến ngày 13/9/2020 thì bị bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre.

* Vật chứng thu giữ: 01 giấy phép lái xe số 830951002202 và 01 giấy chứng minh nhân dân số 320024191 mang tên Huỳnh Công Ph.

Theo các Bảng kết luận định giá tài sản số 410/KL-HĐĐG ngày 20/5/2020 và số 616/KL-HĐĐG ngày 15/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Bến Tre, kết luận giá trị các tài sản vào ngày 06/9/2019 như sau:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu đỏ đen, biển kiểm soát 71B3-192.69, số khung: RLCUG0610HY423197, số máy: G3D4E443102, là 36.000.000 đồng.

- 03 tờ đô la Mỹ, mỗi tờ mệnh giá 100 đô la, là 6.933.000 đồng.

- 01 cái ví bằng da màu nâu, đã qua sử dụng là 15.000 đồng.

Tại cáo trạng số 107/CT-VKSTPBT ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo Ph “*Tội trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

- Về hình phạt chính: áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Ph từ 09 tháng đến 12 tháng tù “*Tội trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt bổ sung: không áp dụng.

- Về xử lý vật chứng: áp dụng các Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả cho ông Huỳnh Công Ph 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Công Ph.

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bà Nguyễn Thanh Th tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng đã bồi thường thay cho bị cáo; buộc bị cáo Ph có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho ông Ph số tiền còn lại là 35.348.000 đồng.

Bị hại ông Huỳnh Công Ph trình bày: ngày 06/9/2019, ông bị mất tài sản bao gồm: một ví da màu nâu, bên trong có 03 tờ đô la Mỹ, mỗi tờ mệnh giá 100 đô la; tiền Việt Nam 10.021.000 đồng; giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân và bảo hiểm y tế mang tên Huỳnh Công Ph. Ông đã nhận số tiền 10.000.000 đồng do mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thanh Th bồi thường nên ông yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho ông số tiền 42.969.000 đồng. Ông đã nhận lại 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Công Ph từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre. Riêng bảo hiểm y tế bị cáo đã làm mất ông tự nguyện không yêu cầu bị cáo bồi thường. Ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là đại diện hợp pháp cho bị cáo, bà Nguyễn Thanh Th trình bày: bà là mẹ ruột của bị cáo Nguyễn Tuấn Ph, bà thừa nhận nội dung sự việc như bị cáo Ph đã trình bày là đúng. Lời trình bày của con bà là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Khi bị cáo bị bắt có tác động, nhờ gia đình để bồi thường thiệt hại cho bị hại. Tuy nhiên, do bà không nghề nghiệp, đang làm giúp việc nhà nên không có điều kiện về kinh tế, bà đã bồi thường cho ông Huỳnh Công Ph thay cho bị cáo số tiền 10.000.000 đồng. Bà tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo số tiền này và không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho bà số tiền mà bà đã bồi thường thay cho bị cáo. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hình phạt nhẹ nhất để con bà có cơ hội sửa sai vì cháu còn nhỏ tuổi, suy nghĩ nông cạn.

Bị cáo Nguyễn Tuấn Ph khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố, không khiêu nại các hành vi,

quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Lời sau cùng: bị cáo đã biết lỗi và xin được giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về.

Người bào chữa cho bị cáo, ông Đào Công H trình bày: thống nhất với nội dung cáo trạng và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Tuy nhiên, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Kiểm sát viên và cho bị cáo Ph được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người làm chứng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Xét thấy, trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng, sự vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, vào khoảng 22 giờ ngày 06/9/2019, tại khu phố A, phường AH, thành phố BT, tỉnh Bến Tre, bị cáo Ph đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Huỳnh Công Ph 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter màu đỏ - đen, biển kiểm soát 71B3-192.69, trị giá 36.000.000 đồng, 03 tờ đô la Mỹ trị giá 6.933.000 đồng, 01 cái ví da trị giá 15.000 đồng và 2.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt của ông Ph là 45.348.000 đồng.

[3] Bị cáo Ph thực hiện hành vi trộm cắp khi chưa đủ 18 tuổi nhưng đã là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết rõ hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản của ông Ph với tổng giá trị là 45.348.000 đồng. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo Nghĩa “*Tội trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền

sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Khi bị cáo thực hiện tội phạm đã gây ra tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, trong sinh hoạt hàng ngày.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và được hưởng các tình tiết giảm nhẹ như sau: “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả*”; “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”; “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng quy định tại các Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt.

[6] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo: một trong những điều kiện để được hưởng án treo là phải “*Có nhân thân tốt*”, tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng án treo quy định rõ: “*Được coi là có nhân thân tốt nếu ngoài lần phạm tội này, người phạm tội luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ ...*”. Đối chiếu với hành vi của bị cáo Ph, bị cáo bị bắt theo quyết định truy nã và tại phiên tòa bị cáo khai đã nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy, trong hồ sơ vụ án có thể hiện bị cáo đã có kết quả xét nghiệm dương tính với Methamphetamin vào 02/5/2020, tức bị cáo đã nhiều lần vi phạm pháp luật cụ thể là luật Phòng chống ma túy nên không thỏa điều kiện “*có nhân thân tốt*” theo quy định trên. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ cho bị cáo hưởng án treo.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo Ph là “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về xử lý vật chứng: việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã giao trả lại cho ông Ph 01 giấy phép lái xe và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Công Ph là phù hợp nên ghi nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận ông Huỳnh Công Ph đã nhận số tiền bồi thường là 10.000.000 đồng từ bà Nguyễn Thanh Thảo.

Ghi nhận bà Nguyễn Thanh Th tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 10.000.000 đồng đã bồi thường thay cho bị cáo;

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Ph đồng ý bồi thường cho ông Ph số tiền 35.348.000 đồng nhưng chưa thực hiện. Do đó buộc bị cáo Ph phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Ph số tiền 35.348.000 đồng.

[10] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có tài sản và không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[11] - Đối với việc ông Ph khai vào ngày 06/9/2019 bị mất số tiền 10.021.000 đồng, nhưng bị cáo chỉ thừa nhận lấy số tiền 2.400.000 đồng và cũng không có chứng cứ gì khác chứng minh bị cáo có lấy 7.621.000 đồng còn lại của ông Ph nên không đủ căn cứ truy cứu thêm trách nhiệm hình sự đối với số tiền này.

- Đối với Huỳnh Thanh Tr không đủ căn cứ xác định đồng phạm với Ph “*Tội trộm cắp tài sản*” và do hành vi của bị cáo chỉ phạm vào khoản 1, Điều 173 BLHS nên Trúc cũng không phạm “*Tội không tố giác tội phạm*”. Do đó, không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trúc.

- Đối với đối tượng tên B do chưa rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre chưa làm việc được, khi làm việc được sẽ xử lý sau.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn Ph phạm “*Tội trộm cắp tài sản*”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn Ph 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2020.

2. Về xử lý vật chứng, áp dụng các Điều 46, 47 và 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả ông Ph 01 (một) giấy phép lái xe và 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Huỳnh Công Ph.

3. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Ghi nhận ông Huỳnh Công Ph đã nhận số tiền bồi thường là 10.000.000 (Mười triệu) đồng từ bà Nguyễn Thanh Th.

- Ghi nhận bà Nguyễn Thanh Th tự nguyện không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng đã bồi thường thay cho bị cáo;

- Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn Ph phải có trách nhiệm bồi thường cho ông Ph số tiền 35.348.000 (Ba mươi lăm triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn) đồng.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 và 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

- Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn Ph phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.767.000 (Một triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND phường AH, TP Bến Tre (1b);
- Bị cáo; Bị hại; Người liên quan (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Như Phương